

Hỏi và đáp về cải cách hành chính (Kỳ 1)

1. Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ

Câu 1. Tôi muốn thành lập Hội, yêu cầu điều kiện để thành lập hội được quy định như thế nào?

Trả lời: Điều kiện thành lập hội được quy định cụ thể tại Điều 5 Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, gồm những điều kiện sau:

- Có mục đích hoạt động không trái với pháp luật, không trùng lặp về tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính với hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trên cùng địa bàn lãnh thổ;

- Có điều lệ;

- Có trụ sở;

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh có ít nhất năm mươi công dân, tổ chức trong tỉnh có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện có ít nhất hai mươi công dân, tổ chức trong huyện có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hội có phạm vi hoạt động trong xã có ít nhất mười công dân, tổ chức trong xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hiệp hội của các tổ chức kinh tế có hội viên là đại diện các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam, có phạm vi hoạt động cả nước có ít nhất mười một đại diện pháp nhân ở nhiều tỉnh; hiệp hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh có ít nhất năm đại diện pháp nhân trong tỉnh cùng ngành nghề hoặc cùng lĩnh vực hoạt động có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hiệp hội.

- Đối với hội nghề nghiệp có tính đặc thù chuyên môn, số lượng công dân và tổ chức tự nguyện đăng ký tham gia thành lập hội do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

Như vậy, để thành lập Hội bạn phải có đầy đủ các yêu cầu trên.

Câu 2: Hồ sơ thành lập Hội gồm những gì?

Trả lời: Hồ sơ Thành lập Hội được quy định tại Điều 7 Nghị Định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, thành phần hồ sơ gồm có:

- Đơn đề nghị thành lập hội (theo Mẫu 4 Phụ lục I Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ);

- Dự thảo điều lệ hội (theo Mẫu 9 Phụ lục I Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ);

- Dự kiến phương hướng hoạt động
- Danh sách những người trong ban vận động thành lập hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;
- Lý lịch tư pháp của người đứng đầu ban vận động thành lập hội;
- Văn bản xác nhận nơi dự kiến đặt trụ sở hội;
- Bản kê khai tài sản do các sáng lập viên tự nguyện đóng góp (nếu có).

Câu 3. Thành phần hồ sơ của thủ tục cho phép hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ được quy định ở đâu?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị Định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ xung một số điều của Nghị định 45/2010/NĐ-CP thì thành phần hồ sơ khi Hội xin phép tổ chức đại hội nhiệm kỳ được quy định gồm có:

- Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ;
- Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội. Báo cáo kiểm điểm của ban lãnh đạo, ban kiểm tra và báo cáo tài chính của hội;
- Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);
- Danh sách dự kiến nhân sự ban lãnh đạo, ban kiểm tra, trong đó nêu rõ tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng thành viên ban lãnh đạo, ban kiểm tra của hội. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư 03/2013/TT-BNV (nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, nếu nhân sự thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ);
- Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội;
- Báo cáo số lượng hội viên, trong đó nêu rõ số hội viên chính thức của hội;
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của đại hội theo quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật (nếu có).

Câu 4. Hội tổ chức đại hội mà không báo cáo xin ý kiến cơ quan quản lý cho phép đại hội có được không?

Trả lời: Trường hợp hội tổ chức đại hội mà không báo cáo theo quy định thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý không phê duyệt điều lệ hội đã được đại hội thông qua. (được quy định tại Điều 2 Thông tư 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị Định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định

33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ xung một số điều của Nghị định 45/2010/NĐ-CP. Như vậy là không được vì khi đó tổ chức hội của bạn không có căn cứ để hoạt động.

2. Lĩnh vực Tôn giáo

Câu 1. Thành phần hồ sơ chấp thuận thành lập chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức Tôn giáo Trực thuộc gồm những gì? Được quy định ở đâu? Do ai quyết định?

Trả lời: Theo quy định thì

* Thành phần hồ sơ chấp thuận thành lập chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức Tôn giáo Trực thuộc được quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, cụ thể gồm:

- Văn bản đề nghị nêu rõ lý do; tên tổ chức đề nghị; tên tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến thành lập; tên tổ chức, người đại diện tổ chức trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; địa bàn hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc tại thời điểm thành lập; địa bàn hoạt động, số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

- Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

- Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc;

- Hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có);

- Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

- Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

* Thẩm quyền chấp thuận việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định tại khoản 3, Điều 29 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo, cụ thể:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do;

- Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.

(Sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc thì văn bản chấp thuận hết hiệu lực.)

Câu 2: Trình tự, thủ tục thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động của một tỉnh được quy định trong văn bản QPPL nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 7 Nghị định 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định trình tự, thủ tục thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc như sau:

1. Trước khi thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 162/2017/NĐ-CP.

Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo; tên tổ chức tôn giáo hoặc tên tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi kèm theo bản sao có chứng thực quyết định công nhận tổ chức tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo; bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Thẩm quyền chấp thuận thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Câu 3: Trình tự, thủ tục thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật nào? Cụ thể như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định trình tự, thủ tục thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc

1. Trước khi thay đổi trụ sở, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ tên, trụ sở, người đại diện của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; lý do, dự kiến thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc trước và sau khi thay đổi;

b) Bản sao có chứng thực quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo đến địa bàn tỉnh khác hoặc bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc đến địa bàn tỉnh khác;

c) Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc thay đổi địa điểm;

d) Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở mới.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; họ và tên người đại diện của tổ chức; lý do, thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức trước và sau khi thay đổi kèm theo bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới.

4. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh khi thay đổi trụ sở có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị theo quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một

trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Câu 4: Điều kiện để tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo? Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo?

Trả lời: Theo quy định tại:

* Điều 18 Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định điều kiện để tổ chức được cấp đăng ký hoạt động tôn giáo khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có giáo lý, giáo luật, lễ nghi;
- Có tôn chỉ, mục đích, quy chế hoạt động không trái với quy định của pháp luật;
- Tên của tổ chức không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc;
- Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự;
- Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở;
- Nội dung hoạt động tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

* Điều 19 Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo:

- Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 18 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo gửi hồ sơ đăng ký hoạt động tôn giáo đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Hồ sơ đăng ký gồm:

+ Văn bản đăng ký nêu rõ tên tổ chức; tên tôn giáo; tôn chỉ, mục đích; nội dung, địa bàn hoạt động; nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển ở Việt Nam; họ và tên người đại diện tổ chức; số lượng người tin theo; cơ cấu tổ chức, địa điểm dự kiến đặt trụ sở;

+ Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;

+ Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;

+ Quy chế hoạt động của tổ chức;

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

- Về thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo:

+ Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp chứng nhận đăng ký phải nêu rõ lý do;

+ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối cấp chứng nhận đăng ký phải nêu rõ lý do.

Câu 5: Việc chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 35 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo quy định tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi đi và nơi đến chậm nhất là 20 ngày.

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức thông báo, họ và tên, phẩm vị, chức vụ của người được chuyển, lý do chuyển, địa bàn hoạt động tôn giáo trước khi chuyển, địa bàn hoạt động sau khi được chuyển đến.

Câu 6: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền cách chức, bãi nhiệm, chức sắc, chức việc không? Việc cách chức, bãi nhiệm được thực hiện như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 36 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có quyền cách chức, bãi nhiệm, chức sắc, chức việc theo hiến chương của tổ chức.

Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm, chức sắc, chức việc, tùy từng trường hợp tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương hoặc cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh.

Văn bản thông báo nêu rõ họ và tên, phẩm vị, chức vụ của người bị cách chức, bãi nhiệm; lý do cách chức, bãi nhiệm kèm theo văn bản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc cách chức, bãi nhiệm.

Câu 7: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có được mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo không? Việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo được quy định như thế nào?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 41 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo.

- Việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo được quy định như sau:

+ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng người chuyên hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi mở lớp. Văn bản đăng ký nêu rõ tên lớp, địa

điểm, lý do, thời gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.

Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký hợp lệ; trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do.

+ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo không thuộc quy định nêu trên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi mở lớp chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai giảng. Văn bản thông báo nêu rõ tên lớp, địa điểm, lý do, thời gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.

Trường hợp việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo có hành vi quy định tại Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không tổ chức hoặc dừng việc mở lớp bồi dưỡng.

3. Lĩnh vực Dịch vụ công ích

Câu 1. Tôi có thể nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính được không?

Trả lời: Theo Điều 5 Quyết định 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ Tướng chính phủ Quyết định về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; Điều 16 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thì bạn có quyền nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đối với những TTHC có quy định được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích.

Câu 2. Khi có kết quả giải quyết thủ tục hành chính tôi muốn nhờ người đến lấy có được không?

Trả lời: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, thì bạn được phép nhờ người nhận thay khi có giấy ủy quyền có xác nhận của cơ quan nhà nước theo quy định và giấy hẹn trả kết quả mà bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công đã giao khi bạn nộp hồ sơ giải quyết TTHC hành chính.

Câu 3. Khi hồ sơ gửi nộp qua đường bưu chính công ích mà bị thất lạc, bị hư hỏng hoặc mất thì ai là người giải quyết?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Điều 14 Quyết định 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ Tướng chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, thì khi hồ sơ gửi nộp qua đường bưu chính công ích mà bị thất lạc, bị hư hỏng hoặc mất được xử lý theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và pháp luật có liên quan. Cụ thể:

a. Trường hợp hồ sơ bị mất, bị thất lạc hoặc bị hư hỏng trong quá trình chuyển phát của nhân viên bưu chính thì doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân có hồ sơ, giấy tờ bị mất, bị thất lạc hoặc bị hư hỏng và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để khắc phục hậu quả.

b. Trường hợp cần phải xin cấp lại bản chính hoặc bản gốc và các giấy tờ khác có trong hồ sơ chuyển phát đã bị mất, bị thất lạc, bị hư hỏng không thể khôi phục được thì doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân có văn bản bị mất, bị thất lạc, bị hư hỏng và cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lại các giấy tờ cho tổ chức, cá nhân.

c. Trường hợp do lỗi của doanh nghiệp hoặc nhân viên của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích làm cho bản chính hoặc bản gốc và các giấy tờ khác có trong hồ sơ chuyển phát đã bị mất, bị thất lạc, bị hư hỏng không thể khôi phục được thì doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phải có trách nhiệm khắc phục mọi hậu quả đã gây ra và chịu mọi chi phí phát sinh trong việc xin cấp lại hồ sơ, giấy tờ.

d. Trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều này mà gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân thì doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại các Điều 24, 25, 26 và 27 Nghị định 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật bưu chính.

Câu 4. Tôi muốn nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thì phải làm như thế nào:

Trả lời: Bạn thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Vào trang dichvucong.kiengiang.gov.vn

Bước 2: Tại cửa sổ của Trang, bạn vào mục đăng ký và điền các thông tin theo yêu cầu.

Khi đã có tài khoản đăng ký bạn vào mục nộp hồ sơ trực tuyến, chọn đơn vị, chọn lĩnh vực, chọn thủ tục bạn cần nộp và tiến hành các bước theo chỉ dẫn.

Câu 5. Có thể lấy thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ ở đâu?

Trả lời: Bạn có thể lấy trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tại Trang dịch vụ công của tỉnh, địa chỉ <https://dichvucong.kiengiang.gov.vn>; tại trang tin điện tử của Sở nội vụ, địa chỉ: <http://sonoivu.kiengiang.gov.vn>. Vào phần thủ tục hành chính và thực hiện tra cứu theo lĩnh vực, thủ tục cần tìm hiểu; hoặc đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công của tỉnh để tra cứu theo niêm yết của từng thủ tục thuộc lĩnh vực giải quyết của sở Nội vụ./.